

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 2 - NĂM 2018

Hà Nội, tháng 07 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEXĐịa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		417,211,503,192	426,394,504,927
I. Tài sản tài chính	110		381,809,138,100	391,087,931,978
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		213,710,221,770	5,407,777,371
1.1. Tiền	111.1	7.1	213,710,221,770	5,407,777,371
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.3.1	24,815,968,145	21,706,735,360
4. Các khoản cho vay	114	7.3.2	96,288,911,677	363,189,820,143
7. Các khoản phải thu	117		28,582,000,000	290,000,000
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		28,582,000,000	
7.2. Phải thu và dự thu cô tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	7.4.1	-	290,000,000
8. Trả trước cho người bán	118	7.4.2	823,287,500	90,287,500
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7.4.3	29,395,953,794	29,720,106,099
12. Các khoản phải thu khác	122		17,504,930,200	4,930,200
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	7.5	(29,312,134,986)	(29,321,724,695)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		35,402,365,092	35,306,572,949
1. Tạm ứng	131		51,331,500	10,148,780
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.6 a	341,033,592	286,424,169
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	7.7	35,010,000,000	35,010,000,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26,221,895,110	6,271,562,448
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9,524,541,507	603,073,625
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.8	7,188,888,729	122,090,656
- Nguyên giá	222		16,623,661,041	9,130,548,041
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(9,434,772,312)	(9,008,457,385)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.9	2,335,652,778	480,982,969
- Nguyên giá	228		9,830,019,948	7,741,472,948
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(7,494,367,170)	(7,260,489,979)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		16,697,353,603	5,668,488,823
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.6 b	8,903,100,048	76,061,871
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.10	7,794,253,555	5,592,426,952
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		443,433,398,302	432,666,067,375

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEXĐịa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

Chi tiêu NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		20,843,330,245	33,454,828,499
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		17,678,597,245	30,600,251,699
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		7,100,357,772	6,229,054,302
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.11	799,540,080	741,705,925
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	-
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.12	5,550,205,605	20,208,600,930
11. Phải trả người lao động	323		676,254,021	572,389,559
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	7.13	108,608,835	84,013,482
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.14	1,727,297,682	2,288,488,339
17. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	329	7.15	76,288,629	72,938,629
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		1,640,044,621	403,060,533
II. Nợ phải trả dài hạn	340		3,164,733,000	2,854,576,800
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354	7.16	3,164,733,000	2,854,576,800
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		422,590,068,057	399,211,238,876
I. Vốn chủ sở hữu	410		422,590,068,057	399,211,238,876
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		310,923,293,997	310,956,293,997
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		310,500,000,000	310,500,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		310,500,000,000	310,500,000,000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		(101,330,000)	(68,330,000)
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		524,623,997	524,623,997
4. Quỹ dự trữ điều lệ	414		3,621,349,970	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		4,160,705,713	539,355,743
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		739,001,739	14,731,745
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		103,145,716,638	87,700,857,391
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		120,822,641,899	86,347,887,209
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(17,676,925,261)	1,352,970,182
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1			
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2			
TỔNG CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		443,433,398,302	432,666,067,375

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEXĐịa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Số cuối quý	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		31,050,000	13,500,000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	7.17	43,374,640,000	14,077,460,000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	7.18	50,000,000	303,480,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	7.19	2,370,824,200,000	2,033,751,210,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1,265,610,700,000	1,587,747,210,000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1,014,839,400,000	412,839,400,000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		72,000,000,000	-
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		18,374,100,000	33,164,600,000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	7.20	21,060,000	1,908,370,000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		21,060,000	1,908,370,000
7. Tiền gửi của khách hàng	026	7.21	65,183,602,819	528,974,259,926
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		52,808,557,709	437,585,970,886
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		12,375,045,110	91,388,289,040
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		12,375,045,110	91,388,289,040
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	7.22	72,283,960,591	535,203,314,228
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		72,283,960,591	535,203,314,228

Người lập biểu

Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2018

Tổng giám đốc



Lê Tiến Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Quý 2 Năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 - Năm 2018	Quý 2 - Năm 2017	Lũy kế năm 2018	Lũy kế năm 2017
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		12,016,943,946	-	16,515,733,456	98,200
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	7.23	12,016,845,366	-	13,825,134,258	
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	01.2	7.24	18,680	-	2,636,420,398	
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	7.25	79,900	69,100	54,178,800	98,200
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2		-	-		
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phái thu	03		6,641,472,390	2,120,260,119	18,044,808,956	2,969,178,075
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4		-	-		
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	5		-	-		
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		6,812,637,465	47,545,041,516	23,865,925,679	66,873,703,563
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	7		-	-		
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		356,068,451	259,406,263	715,571,566	580,156,782
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		-	-		
Cộng doanh thu hoạt động	20		25,827,122,252	49,924,776,998	59,142,039,657	70,423,136,620
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		8,317,004,346	3,704,407,136	33,559,916,538	2,728,647,162
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	7.23	11,893,600,697	5,891,136,906	11,893,600,697	5,891,136,906

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

b. Chính lệch giảm đánh giá lại các TSTC

FVTPL	21.2	7.24	(3,576,596,351)	(2,186,729,770)	21,666,315,841	(3,162,489,744)
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính	21.3		-	-		
FVTPL						
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22		-	-		
2.3. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-		
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	90,287,500	-	90,287,500
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-		
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		1,804,919,032	11,245,791,853	5,700,064,710	15,529,093,473
2.8. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		100,000,000	-	100,000,000	
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-		
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		277,740,690	250,713,165	341,853,375	416,325,478
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-		
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32		313,693,518	733,341,652	319,923,083	739,378,575
Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi khác	33		-	-		
Cộng chi phí hoạt động	40		10,813,357,586	16,024,541,306	40,021,757,706	19,503,732,188
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		317,830,477	155,594,472	452,941,415	229,875,196
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		17,500,000,000	8,520,341,362	17,647,222,300	10,707,641,658
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50	7.26	17,817,830,477	8,675,935,834	18,100,163,715	10,937,516,854

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
 Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH						
Công chi phí tài chính	60	-	-	-	-	-
V. CHI PHÍ BAN HÀNH	61	-	-	-	-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	7.27	4,707,707,727	2,142,231,892	6,590,862,907	4,128,739,555
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		28,123,887,416	40,433,939,634	30,629,582,759	57,728,181,731
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC						
8.1. Thu nhập khác	71		20,018,182	-	20,018,182	
8.2. Chi phí khác	72		275,541,585	93,070,080	275,579,883	93,070,080
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(255,523,403)	(93,070,080)	(255,561,701)	(93,070,080)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		27,868,364,013	40,340,869,554	30,374,021,058	57,635,111,651
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		24,291,748,982	40,340,869,554	49,403,916,501	57,635,111,651
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		3,576,615,031	-	(19,029,895,443)	
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		5,410,585,886	8,068,173,911	5,410,585,886	11,527,022,330
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		5,410,585,886	8,068,173,911	5,410,585,886	11,527,022,330
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		22,457,778,127	32,272,695,643	24,963,435,172	46,108,089,321
XII. THU NHẬP (LỢI) TOÁN ĐIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-	-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		723	2,391	804	3,415
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHÓ THÔNG	500		723	2,391	804	3,415
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501					

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thủy Dung



Trần Thị Thu Hà

Lê Tiến Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 2 Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		
		Quý 2 - Năm 2018	Quý 2 - Năm 2017	Lũy kế năm 2018
				Lũy kế năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	(450,428,313,979)	-	(530,011,946,646)
02	Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	587,581,153,102	-	614,572,864,210
03	Tiền chi nộp Quý Hỗ trợ thanh toán	-	-	(2,201,826,603)
04	Cổ tức đã nhận	64,338	64,595	54,163,238
05	Tiền lãi đã thu	6,882,413,177	-	18,312,549,949
06	Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	-	-	-
07	Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	(8,104,383,584)	-	(28,157,952,843)
08	Tiền chi trả cho người lao động	(753,351,247)	(817,728,173)	(1,989,684,818)
09	Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	(1,883,549,280)	(7,997,578,237)	(22,498,390,764)
11	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	334,727,231	201,009,207,286	266,207,080,185
12	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(109,167,092)	(107,194,064,600)	(105,159,633,809)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	133,519,592,666	84,999,900,871	209,127,222,099
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	(1,262,000,000)	-	(1,262,000,000)
23	Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	-	-	(40,000,000,000)
24	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	-	20,000,000,000	40,000,000,000
25	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	437,222,300	6,032,936	437,222,300
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(824,777,700)	20,006,032,936	(824,777,700)
				10,677,786
				10,677,786

11/1/2018 10:47:14

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	-	-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50	132,694,814,966	105,005,933,807	208,302,444,399
V. Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	81,015,406,804	8,286,756,169	5,407,777,371
VI. Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	213,710,221,770	113,292,689,976	213,710,221,770
				113,292,689,976

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng					
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	1,359,413,301,269	11,362,651,969,558	5,895,009,802,944	15,520,304,067,675
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(1,988,177,852,558)	(11,289,937,453,333)	(7,072,718,839,846)	(15,498,482,680,151)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	542,193,075,081		970,850,436,571	
9. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09	(98,756,623)		(367,456,776)	
12. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12				
13. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(43,200,000)	(5,000,000)	(256,564,600,000)	-5,000,000
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20	(86,713,432,831)	72,709,516,225	(463,790,657,107)	21,816,387,524
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	151,897,035,650	31,968,540,153	528,974,259,926	82,861,668,854
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31	151,897,035,650	31,968,540,153	528,974,259,926	82,861,668,854
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	110,218,594,994	7,945,811,839	437,585,970,886	74030662781
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33	41,678,440,656	24,022,728,314	91,388,289,040	8831006073
III Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	65,183,602,819	104,678,056,378	65,183,602,819	104,678,056,378
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41	65,183,602,819	104,678,056,378	65,183,602,819	104,678,056,378
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	52,808,557,709	50,756,687,155	52,808,557,709	50,756,687,155
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	12,375,045,110	53,921,369,223	12,375,045,110	53,921,369,223

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thủy Dung

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà



Lê Tiến Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý 2 Năm 2018

MẪU B04 - CTCK
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm			Số dư cuối năm		
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay	Năm trước	Năm nay	
				Tăng	Giảm				Tăng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135,000,000,000	314,544,643,967	-	-	-	-	135,000,000,000	314,544,643,967
1.1. Cổ phiếu phổ thông có qu_ên biểu quyết		135,000,000,000	310,500,000,000	-	-	-	-	135,000,000,000	310,500,000,000
1.2. Vốn bổ sung		-	(101,330,000)	-	-	-	-	-	(101,330,000)
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		-	4,145,973,967	-	-	-	-	-	4,145,973,967
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu		-	4,160,705,713	-	-	-	-	-	4,160,705,713
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		539,355,743		-	-	-	-	539,355,743	
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		539,355,742	739,001,739	-	-	-	-	539,355,742	739,001,739
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(268,949,341)	80,646,688,516	46,108,089,321	-	22,457,778,127	-	45,839,139,980	103,145,716,638
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(268,949,341)	101,900,228,808	46,108,089,321	-	18,881,163,096	-	45,839,139,980	120,822,641,899
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	(21,253,540,292)	-	-	3,576,615,031	-	-	(17,676,925,261)
Cộng		135,809,762,144	400,091,039,935	46,108,089,321	-	22,457,778,127	-	181,917,851,465	422,590,068,057
II. Thu nhập toàn diện khác		-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng		-	-	-	-	-	-	-	-

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà



Lê Tiến Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 - Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 Giấy chứng nhận thành lập Công ty Chứng khoán Artex

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/ GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 59/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi vốn điều lệ. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

1.2 Địa chỉ liên hệ của Công ty Chứng khoán

Địa chỉ: Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

1.3 Điều lệ hoạt động công ty chứng khoán: Ban hành ngày 17 tháng 03 năm 2008 và sửa đổi, bổ sung vào ngày 10 tháng 02 năm 2018

1.4 Ngành nghề kinh doanh chính

Môi giới chứng khoán;
Tự doanh chứng khoán;
Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.5 Quy mô vốn

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2017 là: 310.500.000.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm mười tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn./.).

1.6 Hạn chế đầu tư và cho vay

Thực hiện theo Điều 43, 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

1.7 Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách đơn vị trực thuộc :

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
Địa chỉ : Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền của khách hàng được hạch toán, theo dõi tách biệt và được tổng hợp tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty gồm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý; Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng; Tiền gửi của Tổ chức phát hành; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.

4.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của CTCK

Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn (không bao gồm khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng đã được trình bày tại chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền").
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua các hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời như: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá gốc là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh mua và không bao gồm các chi phí mua như: Phí môi giới, phí giao dịch, phí ngân hàng.... Khi bán, giá vốn của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm bán.

Công ty đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá thị trường, thực hiện đánh giá lại 6 tháng 1 lần. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu: Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại xác định lãi hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ.

Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các cam kết cho vay phát sinh bao gồm: Cam kết cho vay theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng;

4.3 Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để trích lập dự phòng.

4.4 Nguyên tắc ghi nhận và trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi/lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6 - 10
Máy móc thiết bị	10
Phần mềm tin học	20

4.5 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả

Các khoản phải trả, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hệ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả tổ chức phát hành

Phải trả tổ chức phát hành phản ánh tình hình nhận và thanh toán cho Tổ chức phát hành về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán phản ánh số hiện có và tình hình biến động về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý và ngân hàng thương mại quản lý.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán với Sở GDCK và Trung tâm lưu ký CK về phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí bù trừ thanh toán chứng khoán.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: phí giao dịch và các phí khác liên quan đến hoạt động của công ty.

Dự phòng phải trả

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng phải trả hiện có, tình hình trích lập và sử dụng dự phòng phải trả của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

a) Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

b) Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

d) Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả trích lập trong năm là cho khoản phải trả bà Đường Thị Quy – chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 theo thông báo thụ lý vụ án ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 và lãi suất hàng tháng phát sinh từ số dư trong tài khoản có liên thông với các tài khoản khác đang nợ Công ty chưa có khả năng hoàn trả với số tiền là 3.164.733.000 VND.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

Các Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Được ghi nhận theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận trên kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh

Thu nhập bán các tài sản tài chính: được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính đã bán ra.

Điều kiện ghi nhận doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý tài sản tài chính như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát tài sản tài chính;
- Doanh thu, thu nhập được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán tài sản tài chính;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán tài sản tài chính.

Các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính: Lãi cho vay từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán; Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các tài sản tài chính, mà không bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định hoạt động góp vốn liên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con (các khoản thu nhập này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính).

Điều kiện ghi nhận các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng:

Phương pháp ghi nhận doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng: doanh thu được thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động, bao gồm:

Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán: Là khoản phí môi giới chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng và được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức bảo lãnh và hưởng phí bảo lãnh: Là số phí được hưởng tính trên giá trị chứng khoán bảo lãnh phát hành đã được phát hành, đã thu tiền và tỷ lệ phí theo thỏa thuận. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức hưởng chiết khấu tiền bán chứng khoán đã được phát hành: Là khoản chênh lệch giữa chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền với giá chiết khấu chứng khoán đã thỏa thuận thanh toán lại với Tổ chức phát hành. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán: là số tiền hoa hồng được hưởng từ đại lý phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành hoặc cho Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền cho người giao đại lý phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán: là số phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng đã thực hiện trong kỳ.

Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán: là số phí được hưởng khi cung cấp các nghiệp vụ về lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật. Bao gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán, thanh toán các giao dịch chứng khoán; Dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyên nhượng...

Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính: là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ của CTCK:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác...

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

4.9 Nguyên tắc kế toán chi phí hoạt động CTCK, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý công ty chứng khoán.

Lãi và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh: bao gồm: Chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ; các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái; Chi phí lãi vay; Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Chi phí quản lý CTCK: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý công ty chứng khoán.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

5. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK

5.1 Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

5.2 Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa với mỗi nhóm tài sản chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

5.3 Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

5.4 Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

5.5 Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

5.6 Các rủi ro về giá

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Sự tăng (hoặc giảm) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

6. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CỦA CTCK

Định giá theo giá trị thị trường hoặc theo giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	91.032.146	94.085.653
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	210.042.289.776	80.769.523.763
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	3.576.899.848	151.797.388
Cộng	<u>213.710.221.770</u>	<u>81.015.406.804</u>

A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Khối lượng giao dịch thực hiện trong 6 tháng	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong 6 tháng
a. Cửa công ty chứng khoán	6.360.340	335.714.038.000	6.906.340	414.082.938.000
- Cổ phiếu	6.360.340	335.714.038.000	6.906.340	414.082.938.000
b. Cửa nhà đầu tư	81.575.734	4.495.060.907.100	283.381.921	15.812.668.974.600
- Cổ phiếu	81.575.734	4.495.060.907.100	283.381.921	15.812.668.974.600
Tổng cộng	87.936.074	4.830.774.945.100	290.288.261	16.226.751.912.600

A.7.3. Các loại tài sản tài chính**7.3.1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Cổ phiếu niêm yết	42.382.893.406	24.815.968.145	72.348.677.137	49.055.954.445
Cổ phiếu chưa niêm yết	110.000.000	0	597.009.600	2.636.192.000
Cộng	<u>42.492.893.406</u>	<u>24.815.968.145</u>	<u>72.945.686.737</u>	<u>51.692.146.445</u>

7.3.2. Các khoản cho vay và phải thu

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Cho vay hoạt động Margin	52.397.017.997	52.397.017.997	35.566.325.241	35.566.325.241
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	43.891.893.680	43.891.893.680	186.441.169.625	186.441.169.625
Cộng	<u>96.288.911.677</u>	<u>96.288.911.677</u>	<u>222.007.494.866</u>	<u>222.007.494.866</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

A.7.4. Các khoản phải thu**7.4.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu lãi của Hợp đồng hợp tác đầu tư đã tất toán	0	437,222,300
Cộng	0	437,222,300

7.4.2. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty CP Đầu tư du thuyền và sân golf Biscom	420.000.000	
Các đối tượng khác	403.287.500	403.287.500
Cộng	823.287.500	403.287.500

7.4.3. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	87.506.637	302.931.054
Phải thu hoạt động tư vấn	141.000.000	141.000.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	289.599.671	32.287.843
Phải thu dịch vụ khác	28.582.000.000	28.887.437.195
Cộng	29.395.953.794	29.363.656.092

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

A.7.5. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số đầu năm	(29.321.724.695)	(29.321.724.695)
Số trích lập/ hoàn nhập trong năm	9.589.709	
Số cuối năm	(29.312.134.986)	(29.321.724.695)

Chi tiết số dư dự phòng tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2018 như sau:

	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Quý 2 - Năm 2018		
			Số đầu kỳ	Số trích lập/hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
1	Dự phòng khó đòi phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	29.028.437.195	29.028.437.195	9.589.709	29.018.847.486
	<i>Đặng Thị Hoàn</i>	1.985.767.855	1.985.767.855		1.985.767.855
	<i>Đặng Thị Hồng Hà</i>	1.802.130.395	1.802.130.395		1.802.130.395
	<i>Đinh Thị Kim Thủy</i>	1.128.657.078	1.128.657.078		1.128.657.078
	<i>Mai Đức Nam</i>	2.392.082.423	2.392.082.423		2.392.082.423
	<i>Nguyễn Thị Cẩm Tú</i>	3.245.015.924	3.245.015.924		3.245.015.924
	<i>Nguyễn Thị Nga</i>	1.744.423.468	1.744.423.468		1.744.423.468
	<i>Nguyễn Trà My</i>	2.444.898.378	2.444.898.378	2.551	2.444.895.827
	<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	3.167.341.425	3.167.341.425		3.167.341.425
	<i>Võ Hưng Hiếu</i>	2.791.041.936	2.791.041.936	850	2.791.041.086
	<i>Khách hàng khác</i>	8.327.078.313	8.327.078.313	9.586.308	8.317.492.005
					90.287.500
2	Trả trước cho nhà cung cấp	90.287.500	90.287.500		3.000.000
	<i>Báo Thái Nguyên</i>	3.000.000	3.000.000		20.000.000
	<i>Công ty CP phần mềm OOS</i>	20.000.000	20.000.000		25.200.000
	<i>Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Du lịch Việt Mỹ</i>	25.200.000	25.200.000		42.087.500
	<i>Công ty TNHH Tích Hợp hệ thống quản lý Quốc Tế</i>	42.087.500	42.087.500		203.000.000
3	Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	290.000.000	203.000.000		203.000.000
	<i>Phải thu tiền lãi hợp đồng hợp tác đầu tư</i>	290.000.000	203.000.000		29.312.134.986
	Cộng	29.408.724.695	29.321.724.695	9.589.709	29.018.847.486

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

A.7.6. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	<i>341.033.592</i>	<i>472.508.991</i>
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>8.903.100.048</i>	<i>9.777.204.874</i>
- <i>Chi phí thuê VP tại TP.HCM</i>	<i>8.787.000.000</i>	<i>9.696.000.000</i>
- <i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	<i>116.100.048</i>	<i>81.204.874</i>
Cộng	<u>9.244.133.640</u>	<u>10.249.713.865</u>

A.7.7. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Công ty Cổ phần Địa Ốc Star Hà Nội	35.000.000.000	35.000.000.000
- Đối tượng khác	10.000.000	10.000.000
Cộng	<u>35.010.000.000</u>	<u>35.010.000.000</u>

(*) Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Địa ốc Star Hà Nội để đặt cọc thuê một phần diện tích văn phòng thuộc tòa nhà FALCON Hà Đông theo hợp đồng đặt cọc 0424/ HĐ/STAR-ART ngày 24 tháng 04 năm 2015 số tiền đặt cọc là 40 tỷ đồng. Trong năm 2016 đơn vị đã thu hồi 5 tỷ do hai bên thỏa thuận giảm số tiền đặt cọc, theo PL hợp đồng số 20062016. Ngày 28 tháng 06 năm 2018, hai bên đã thống nhất thanh lý hợp đồng đặt cọc số 0424/ HĐ/STAR-ART, thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký BB thanh lý hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

A.7.8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	14.047.094.741	1.098.957.300	34.969.000	15.181.021.041
Tăng trong kỳ		1.442.640.000	34.969.000	1.442.640.000
Số cuối kỳ	14.047.094.741	2.541.597.300	34.969.000	16.623.661.041
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	7.956.550.753	1.098.957.300	1.744.960	9.057.253.013
Khấu hao trong kỳ	349.067.232	28.452.067	1.744.960	377.519.299
Số cuối kỳ	8.305.617.985	1.127.409.367	1.744.960	9.434.772.312
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	6.090.543.988	-	33.224.040	6.123.768.028
Số cuối kỳ	5.741.476.756	1.414.187.933	33.224.040	7.188.888.729

A.7.9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	8.465.237.400	1.364.782.548	9.830.019.948
Tăng trong kỳ			
Số cuối kỳ	8.465.237.400	1.364.782.548	9.830.019.948
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	5.963.903.011	1.364.782.548	7.328.685.559
Khấu hao trong kỳ	165.681.611	-	165.681.611
Số cuối kỳ	6.129.584.622	1.364.782.548	7.494.367.170
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	2.501.334.389	-	2.501.334.389
Số cuối kỳ	2.335.652.778	-	2.335.652.778

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

A.7.10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	6.222.452.285	6.222.452.285
Tiền lãi được phân bổ trong kỳ	1.451.801.270	1.451.801.270
Cộng	<u>7.794.253.555</u>	<u>7.794.253.555</u>

A.7.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP công nghệ Sao Bắc Đẩu		4.052.025.500
Công ty TNHH MTV FLC Land (Công ty CP FLC Land)	219.563.480	134.424.200
Công ty luật TNHH SMIC	440.584.100	440.584.100
Chi nhánh Công ty CP Quản lý sân Golf Biscom tại tỉnh Thanh Hóa		264.728.378
Công ty CP công nghệ tin học và dịch vụ Goline	90.000.000	90.000.000
CN Công ty TNHH Một thành viên viễn thông QT FPT		37.400.000
Các đối tượng khác	49.392.500	54.756.700
Cộng	<u>799.540.080</u>	<u>5.073.918.878</u>

A.7.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.456.363	454.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.410.585.886	0
Thuế thu nhập cá nhân	137.163.356	1.268.712.170
Cộng	<u>5.550.205.605</u>	<u>1.269.166.715</u>

Thuế giá trị gia tăng

Doanh thu dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán là hoạt động không chịu thuế GTGT. Các hoạt động khác 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định.

A.7.13. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	104.051.744	91.782.088
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	4.557.091	2.693.083
Cộng	<u>108.608.835</u>	<u>94.475.171</u>

A.7.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoạt động	510.203.530	1.032.782.609
Chi phí hành chính	-	
Chi phí quản lý CTCK	1.217.094.152	42.700.000
Cộng	<u>1.727.297.682</u>	<u>1.075.482.609</u>

A.7.15. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả, phải nộp khác	76.288.629	73.788.629
Cộng	<u>76.288.629</u>	<u>73.788.629</u>

A.7.16. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi phải trả TK 083C003060–Đường Thị Quy (*)	3.164.733.000	2.854.576.800
Cộng	<u>3.164.733.000</u>	<u>2.854.576.800</u>

(*) Theo thông báo thụ lý vụ án ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm về việc Bà Đường Thị Quy chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 yêu cầu Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex phải hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 VND và tiền lãi hàng tháng phát sinh từ số dư trên.

A.7.17. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	43.374.640.000	45.665.410.000
Cộng	<u>43.374.640.000</u>	<u>45.665.410.000</u>

A.7.18. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	50.000.000	303.480.000
Cộng	<u>50.000.000</u>	<u>303.480.000</u>

A.7.19. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.265.610.700.000	1.346.278.570.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.014.839.400.000	482.839.400.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	72.000.000.000	72.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	18.374.100.000	20.733.100.000
Cộng	<u>2.370.824.200.000</u>	<u>1.921.851.070.000</u>

A.7.20. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	21.060.000	20.440.000
Cộng	<u>21.060.000</u>	<u>20.440.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

A.7.21. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	52.808.557.709	110.218.594.994
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>52.808.557.709</i>	<i>110.218.594.994</i>
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	12.375.045.110	41.678.440.656
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>12.375.045.110</i>	<i>41.678.440.656</i>
Cộng	<u>65.183.602.819</u>	<u>151.897.035.650</u>

A.7.22. Phải trả Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	72.283.960.591	159.005.614.998
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>72.283.960.591</i>	<i>159.005.614.998</i>
Cộng	<u>72.283.960.591</u>	<u>159.005.614.998</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý 2- Năm 2018

B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**B.7.23. Lãi lỗ bán các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4
1	Cổ phiếu niêm yết	2.970.340	150.879	168.673.038.000	168.549.793.331	123.244.669
	+ ROS	2.945.000	56.462	166.280.500.000	168.062.937.435	-1.782.437.435
	+ TCB	25.340	94.417	2.392.538.000	486.855.896	1.905.682.104
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	2.970.340	150.879	168.673.038.000	168.549.793.331	123.244.669

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý 2- Năm 2018

B.7.24. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán		Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá tăng trong năm	Chênh lệch đánh giá giảm trong năm	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch đánh giá lại năm nay
		C	D					
I	Loại FVTPL	42.492.893.406	24.815.968.145	18.680	19.936.009.261	(21.253.540.292)	(3.576.615.031)	
1	Cổ phiếu niêm yết	42.382.739.702	24.705.136.145	18.680	17.677.603.557	(23.888.396.930)	(6.210.812.053)	
	<i>FLC</i>	1.611.561.453	974.814.060		636.747.393	(751.410.576)	(114.663.183)	
	<i>HAI</i>	2.972.605.525	938.690.250		2.033.915.275	(1.794.692.275)	239.223.000	
	<i>KLF</i>	7.772.814.914	1.767.722.000		6.005.092.914	(5.651.548.514)	353.544.400	
	<i>ROS</i>	21.034.108	20.984.000		50.108	1.200.432.224	1.200.482.332	
	<i>Các cổ phiếu khác</i>	30.000.000.000	21.000.000.000		9.000.000.000	(16.890.000.000)	(7.890.000.000)	
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	4.723.702	2.925.835	18.680	1.797.867	(1.177.789)	601.398	
	<i>Techcombank</i>	110.153.704	110.832.000	-	2.258.405.704	2.634.856.638	2.634.197.022	
	<i>Itasco</i>	153.704	832.000		2.148.405.704	2.634.856.638	2.634.197.022	
3	Trái phiếu niêm yết							
4	Trái phiếu chưa niêm yết							

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý 2- Năm 2018

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá tăng trong năm	Chênh lệch đánh giá giảm trong năm	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch đánh giá lại năm nay
A	B	C	D	E=C-D	F	G=E-F	
5	Công cụ thị trường tiền tệ						
6	Các khoản đầu tư dài hạn sinh lãi						
7	Các khoản đầu tư dài hạn sinh lãi chưa niên yết						
8	Các khoản đầu tư cho vay						
9	Các khoản đầu tư để mua chứng khoán						
10	Các khoản đầu tư mua chưa chuyển quyền sở hữu						
II	Loại HTM	-	-	-	-	-	-
III	Loại các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-	-	-
IV	Loại AFS	-	-	-	-	-	-
	Cộng	42.492.893.406	24.815.968.145	18.680	19.936.009.261	-21.253.540.292	-3.576.615.031

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

B.7.25. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính		
FVTPL	79.900	69.100
Cộng	<u>79.900</u>	<u>69.100</u>

B.7.26. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	317.830.477	155.594.472
Doanh thu hoạt động tài chính khác	17.500.000.000	8.520.341.362
Cộng	<u>17.817.830.477</u>	<u>8.675.935.834</u>

B.7.27. Chi phí quản lý của công ty chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.280.190.898	1.057.374.711
Chi phí công cụ, dụng cụ	23.051.043	2.743.322
Chi phí khấu hao TSCĐ	543.200.910	333.579.582
Chi phí thuế, phí và lệ phí	42.618.121	50.294.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.828.236.464	539.939.724
Chi phí dự phòng và hoàn nhập dự phòng	(9.589.709)	
Chi phí khác		158.300.000
Cộng	<u>4.707.707.727</u>	<u>2.142.231.892</u>

B.7.28. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt chậm nộp thuế	255.541.585	93.070.080
Chi phí hỗ trợ hiệp hội	20.000.000	-
Cộng	<u>275.541.585</u>	<u>93.070.080</u>

B.7.29. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu do thanh lý TS - CCDC tại chi nhánh HCM.	20.018.182	0
Cộng	<u>20.018.182</u>	<u>0</u>

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2- Năm 2018

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng

quản trị, các thành viên Ban điều hành và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

B. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Liên doanh đầu tư Quốc tế KLF

Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Mối quan hệ

Đồng chủ tịch

Chủ tịch HĐQT là Phó TGD CTCP Tập đoàn FLC

Giao dịch với các bên liên quan khác

B1.1 Số chứng khoán của các bên liên quan còn nắm giữ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2018 như sau:

	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
KLF - Công ty Cổ phần Liên doanh đầu tư Quốc tế KLF	883.861	7.772.814.910
FLC - Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	192.651	1.611.295.233

8.2 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính quý 2 năm 2017.

Người lập biểu

Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2018

Tổng giám đốc



Lê Tiến Đông